

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2022/DS-PT
Ngày 10 – 6 – 2022
V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2021/TLPT-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2378/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Huệ A, sinh năm 1952; Cư trú: 55/2, đường DT, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1994; Cư trú: Số 80 NCT, phường AN, quận NK, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022, có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần M, sinh năm 1932; Cư trú: 35 Nettel Beck RD Vic 3169 Australia, (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Đặng Huệ A là nguyên đơn.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2020 và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Đặng Huệ A và ông Trần Hữu Ng là vợ chồng hợp pháp. Sinh thời cha mẹ ông Ng là cụ Trần H1 và cụ Trương B có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất có diện tích 59,3m² thuộc thửa số 73 tờ bản đồ số 2 được Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cũ cấp ngày 26/7/1999. Tài sản tọa lạc tại 55/2, DT, TT CR, huyện CT (nay là số 55/2, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ gọi là số 55/2). Cụ Trần H1 và cụ Trương B có 03 người con là ông Trần Hữu Ng, bà Trần Thị M1 và Trần M.

Khi cụ Trần H1 và cụ Trương B chết đã để lại khối tài sản nêu trên cho các anh em. Do bà Trần Thị M1 bị mất năng lực hành vi dân sự nên tạm giao phần tài sản cho ông Trần Hữu Ng quản lý, đến năm 2015 thì bà M1 chết, trong khi đó bà Trần M đã có đơn từ chối nhận di sản thừa kế tại số 55/2 trước đó, vì thế khối tài sản tại số 55/2 thuộc quyền sở hữu của chồng là ông Ng. Đến năm 2001 ông Ng chết, nhưng trước đó năm 2000 đã có lập di chúc để định đoạt khối tài sản tại số 55/2 theo đó bà Đặng Huệ A được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản tại số 55/2, còn lại $\frac{1}{2}$ không được định đoạt. Từ đó đến nay bà A là người quản lý và sử dụng tài sản tại số 55/2, cũng như tôn tạo để tăng hoa lợi tài sản. Bà A khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc của ông Ng trước khi chết để lại là cho bà được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản tại số 55/2.

Tại đơn khởi kiện bổ sung bà A yêu cầu được nhận giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản tại số 55/2 tương ứng 1.467.586.500 đồng và $\frac{1}{2}$ còn lại do Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra tính công sức đóng góp tôn tạo, bảo quản gìn giữ tài sản cho bà Huệ A là 5% theo chứng thư định giá được Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam thực hiện. Bà yêu cầu bị đơn phải chịu tiền ma chay, tiền chăm sóc người nuôi bệnh.

Bị đơn bà Trần M đã được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp sang Australia để thu thập ý kiến, lấy lời khai cũng như thông báo việc nguyên đơn kiện để chia thừa kế tại số 55/2, nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản trả lời được hợp thức hóa lãnh sự gửi về Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, trong khi đó kết quả ủy thác tư pháp tại nước sở tại thì không tìm được bà Muội mặc dù trước đó bà có cư ngụ tại đây nên không ghi được ý kiến của bà. Do đó, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào quy định pháp luật xét xử vắng mặt bà.

Do vụ án vắng mặt bị đơn nên không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn vẫn yêu cầu được nhận giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà là 1.467.586.500 đồng, $\frac{1}{2}$ còn lại do Tòa án giải quyết theo quy định. Tính công sức đóng góp trong thời gian gìn giữ quản lý tài sản, cũng như tôn tạo tài sản tại số 55/2. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu được nhận căn nhà và thối hoàn tiền $\frac{1}{2}$ cho cơ quan nhà nước giữ gìn số tiền cho bà

Muội, nguyên đơn yêu cầu chi phí ma chay là 40.000.000 đồng; chi phí chăm nom người bệnh là bà M1 là 173.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 37, Điều 91, Điều 92, Điều 93, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Án lệ 06 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Huệ A về việc công nhận di chúc của ông Trần Hữu Ng lập năm 2000 là hợp pháp.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Hữu Ng là bà Đặng Huệ A. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị M1 không có. Hàng thừa kế thứ hai của bà Trần Thị M1 là bà Trần M.

Xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 55/2, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ là tài sản thừa kế theo di chúc của ông Trần Hữu Ng.

Công nhận $\frac{1}{2}$ tài sản nhà và đất tại số 55/2, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ là của bà Đặng Huệ A.

Tạm giao $\frac{1}{2}$ tài sản nhà và đất còn lại tại số 55/2, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ cho bà Đặng Huệ A tiếp tục quản lý, sử dụng đến khi bà Trần M về Việt Nam thì giao phần $\frac{1}{2}$ này cho bà Muội.

(Kèm Bản trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 02/7/2020 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Hữu Ng và bà Trần Thị M1 sang tên bà Đặng Huệ A và bà Trần M.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Huệ A tính công sức đóng góp, tôn tạo tài sản, chi phí ma chay, tiền công nuôi bệnh của bà Đặng Huệ A.

Về đo đạc định giá tài sản: Nguyên đơn chịu đã chi xong.

Về án phí dân sự: Không ai phải chịu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 27 tháng 4 năm 2021, bà Đặng Huệ A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bản án chưa xem xét đánh giá chứng cứ

trên cơ sở quy định của pháp luật, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cụ thể:

Thứ nhất: Yêu cầu thanh toán giá trị để được toàn quyền định đoạt tài sản là di sản thừa kế:

+ Việc quản lý căn nhà và đất tọa lạc tại số 55/2, DT, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ (sau đây gọi là: nhà, đất tại số 55/2, DT) đã trong thời gian dài nhưng không được toàn quyền định đoạt với phần giá trị di sản được hưởng đương nhiên từ chồng là ông Trần Hữu Ng. Trong khi đây là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất do nguyên đơn được toàn quyền sở hữu, định đoạt theo di chúc là có căn cứ.

+ Về phía bị đơn là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, thời điểm từ chối hưởng di sản thừa kế đã mang quốc tịch Úc và từ đó không quay lại Việt Nam nên rất khó khăn cho việc nguyên đơn liên hệ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và bản thân nguyên đơn không muốn tiếp tục quản lý vô thời hạn đối với phần giá trị di sản là nhà, đất còn lại của bị đơn.

Cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 06/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xử giao cho nguyên đơn tiếp tục quản lý $\frac{1}{2}$ di sản của bà Trần M là không đúng với tình tiết khách quan của vụ án và trái quy định tại khoản 3 Điều 616 Bộ luật dân sự.

Thứ hai: Yêu cầu thanh toán về chi phí quản lý gìn giữ di sản. Nguyên đơn yêu cầu được thanh toán chi phí quản lý di sản là nhà, đất tại số 55/2, DT với số tiền = 5%/giá trị phần di sản của bà Trần Thị M1 để lại cho bà Trần M, tương đương số tiền 74.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 1592/20/CT.SACC-CT ngày 24/12/2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam là hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 658 Bộ luật dân sự, nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận là không phù hợp quy định của pháp luật.

Thứ ba: Yêu cầu thanh toán chi phí tôn tạo di sản. Nguyên đơn đã bỏ tiền để sửa chữa căn nhà tại số 55/2, DT là có thật, thể hiện rõ thời điểm UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010203, ngày 26/7/1999 ghi nhận căn nhà giá trị còn lại 60%, đến nay đã trôi qua hơn 20 năm được xác định giá trị còn lại là 50%; việc tôn tạo di sản là có thật, chi phí bỏ ra là thật dù nguyên đơn không còn lưu giữ chứng cứ, nhưng nhìn vào thực tế thì cũng xác định được, căn nhà sử dụng 20 năm nhưng giá trị hao mòn chỉ 10%, nếu không có việc sửa chữa thì đến thời điểm hiện tại không thể còn giá trị 50% như Biên bản định giá của Hội đồng định giá do Tòa án triệu tập. Do đó nguyên đơn yêu cầu được thanh toán chi phí tôn tạo nhà, đất tại số 55/2, DT với số tiền = 5%, tương đương 74.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 1592/20/CT.SACC-CT ngày 24/12/2020 (nêu trên) là hoàn toàn phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Thứ tư: Yêu cầu thanh toán chi phí chăm nom, nuôi dưỡng người để lại di sản. Nguyên đơn cùng chồng (ông Trần Hữu Ng, khi còn sống) là người trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng bà Trần Thị M1 từ thời điểm ông Ng và bà M1 được cấp Giấy chứng nhận nhà, đất (ngày 26/7/1999). Đến khi ông Ng chết (16/10/2001) thì nguyên đơn là người trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng bà Trần Thị M1 đến lúc bà M1 chết (ngày 26/02/2015). Vì vậy, nguyên đơn có ½ công sức chăm nom, nuôi dưỡng bà Trần Thị M1 khi ông Ng còn sống, đến khi ông Ng chết thì công sức chăm nom, nuôi dưỡng bà M1 toàn bộ là của nguyên đơn. Nên nguyên đơn yêu cầu được thanh toán chi phí chăm nom, nuôi dưỡng bà M1 (là người bị mất năng lực hành vi dân sự) trong thời gian từ hơn 15 năm (từ 26/7/1999 đến 26/02/2015) với tổng số tiền 173.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 658 Bộ luật dân sự, nhưng Tòa sơ thẩm không chấp nhận là không phù hợp quy định của pháp luật.

Thứ năm: Yêu cầu thanh toán chi phí ma chay của người để lại di sản. Việc chi phí ma chay là theo tập quán, nên nguyên đơn yêu cầu trả chi phí thuê dịch vụ trọn gói tại thời điểm bà M1 chết với số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 658 Bộ luật dân sự, nhưng Tòa sơ thẩm không chấp nhận là không phù hợp quy định của pháp luật.

Với các lý do nêu trên, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Quyết định số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/4/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, do:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Huệ A về việc công nhận di chúc của ông Trần Hữu Ng lập năm 2000 là hợp pháp. Xác định di sản thừa kế là nhà, đất tại số 55/2, DT là tài sản thừa kế theo di chúc của ông Trần Hữu Ng. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Hữu Ng là bà Đặng Huệ A. Hàng thừa kế của bà Trần Thị M1 là bà Trần M. Công nhận ½ nhà, đất tại số 55/2, DT là của bà Huệ A là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Huệ A, về việc được nhận toàn bộ hiện vật và hoàn giá trị cho bà Trần M và không tính công sức đóng góp, giữ gìn, bảo quản tài sản, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí an táng bà Trần Thị M1 của nguyên đơn là chưa phù hợp với thực tế khách quan của vụ án, chưa đảm bảo tính công bằng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bởi lẽ:

Theo Thông báo từ chối nhận di sản thừa kế theo pháp luật của bà Trần M có quốc tịch Úc, kết quả tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án

cấp sơ thẩm về các thủ tục liên quan đến yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vào ngày 18/9/2019 cho bà Trần M theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp của Tòa án VICTORIA tại MELBOURNE thì kết quả bà Trần M đã đi từ tháng 11/2018 địa chỉ hiện tại không biết ở đâu.

Theo quy định tại Điều 8 Luật nhà ở năm 2014. Điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở quy định: *“1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì phải được phép nhập cảnh vào Việt Nam; đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thì phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 160 của Luật này”*.

Như vậy, theo kết quả ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Trần M thời điểm tháng 11/2018 bà Trần M là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và hiện không có mặt ở Việt Nam, chưa biết được bà M1 có được phép nhập cảnh vào Việt Nam hay không nhưng Tòa cấp sơ thẩm tạm giao ½ tài sản nhà, đất còn lại tại số 55/2, DT cho bà Huệ A quản lý, sử dụng đến khi bà Trần M về Việt Nam thì giao lại cho bà Trần M và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo hồ sơ tại BL 52 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở) đứng tên ông Trần Hữu Ng và bà Trần Thị M1 sang tên bà Huệ A cùng bà Trần M được đứng tên đồng sở hữu nhà, đất tại số 55/2, DT là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất với đối tượng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Do hiện nay chưa biết rõ bà Trần M có đủ điều kiện để được sở hữu nhà ở và đất ở tại Việt Nam hay không nên khi phân chia di sản bà Trần M không nhận phần hiện vật mà nhận giá trị tương ứng theo kết quả định giá mới phù hợp.

Xét thấy, trong thời gian chung sống cùng với ông Ng và bà M1, nguyên đơn có công bảo quản, gìn giữ, tôn tạo duy trì khối tài sản chung nên cần xem xét tính công sức trong việc giữ gìn tu bổ tài sản bằng 10% trên giá trị định giá phần của bà M1 là phù hợp, đồng thời bà M1 là người bị lú lẫn tâm thần, khả năng tự chăm sóc bản thân hạn chế, không có nghề nghiệp hay công việc để tạo thu nhập nuôi sống bản thân mà hoàn toàn phụ thuộc vào việc ông Ng và nguyên đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn cũng có công chăm sóc bà M1 nên cũng xem xét tính công sức bằng một phần giá trị như nguyên đơn đưa ra là hợp lý. Tòa cấp sơ thẩm không tính giá trị công sức tu bổ, tôn tạo, bảo quản nhà, đất cũng như chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí chăm lo mai táng là đánh giá chưa đúng thực tế sự việc ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Sau khi trừ công sức đóng góp, giữ gìn, bảo quản tài sản, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí an táng bà M1, phần giá trị còn lại bà Trần M được hưởng, nguyên đơn có trách nhiệm giao nộp tại Cơ quan thi hành án khi án có hiệu lực để được toàn quyền định đoạt đối với nhà, đất tại số 55/2, DT. Cụ thể căn cứ vào kết quả định giá theo giá thị trường

là 2.935.173.000 đồng, chia 02 phần bà Muội được nhận giá trị = 1.467.586.500 đồng, trừ chi phí gìn giữ, tôn tạo, bảo quản tài sản, công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà M1 và chi phí mai táng cho bà M1 tổng số tiền 361.000.000 đồng. Bà Muội còn được hưởng là 1.106.586.500 đồng.

Vì các lẽ trên; kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo bà Đặng Huệ A do ông Trần Văn H làm đại diện trình bày:* Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 27/4/2021 nêu trên. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ; yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

+ Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 15/4/2021 đến ngày 27/4/2021 nguyên đơn bà Đặng Huệ A có đơn kháng cáo; ngày 29/4/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có quyết định kháng nghị nên kháng cáo và kháng nghị đều hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bà Trần M đã được triệu tập nhưng vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có ủy thác tư pháp sang Australia nhưng ở Australia cũng không tổng đạt được văn bản tố tụng do bị đơn chuyển nhà đi nơi khác không để lại nơi cư trú. Do đó, Tòa sơ thẩm căn cứ theo Điều 227, Điều 228 và án lệ số 06/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành để xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm Tòa án cũng không thể triệu tập được bà Trần M nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần M.

- *Về nội dung:* Đối kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Huệ A và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, xét:

[1] Tòa sơ thẩm xác định: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Hữu Ng là bà Đặng Huệ A. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị M1 không có.

Hàng thừa kế thứ hai của bà Trần Thị M1 là bà Trần M. Xác định này của Tòa cấp sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Khi còn sống ông Trần Hữu Ng và bà Trần Thị M1 cùng đồng sở hữu, sử dụng nhà, đất tại số 55/2, DT theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010203, hồ sơ gốc số 03/99 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 26/7/1999 (thửa đất số 73 diện tích 59,3m², loại đất ODT). Ông Ng chết ngày 16/10/2001, trước khi chết ông Ng có để lại di chúc cho ½ giá trị nhà, đất tại số 55/2, DT cho vợ là bà Đặng Huệ A; bà Trần Thị M1 chết ngày 26/02/2015 không để lại di chúc. Vì thế, Tòa sơ thẩm công nhận ½ tài sản nhà, đất tại số 55/2, DT là của bà Đặng Huệ A là có căn cứ đúng quy định tại các Điều 624, 630, 631, 632, 643 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tòa sơ thẩm áp dụng Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng về thủ tục, nhưng về nội dung Tòa sơ thẩm tuyên xử tạm giao ½ tài sản nhà, đất còn lại tại số 55/2, DT cho bà Đặng Huệ A tiếp tục quản lý, sử dụng đến khi bà Trần M về Việt Nam thì giao phần ½ này cho bà Muội là không đảm bảo quyền lợi của bà Đặng Huệ A, do nội dung Án lệ 06/2016/AL, nêu: *“Trong vụ án tranh chấp thừa kế có người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài, nếu Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của những người đó thì Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của nguyên đơn; nếu xác định được di sản thừa kế, diện hàng thừa kế và người để lại di sản thừa kế không có di chúc thì giải quyết việc chia thừa kế cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; phần tài sản thừa kế của những người vắng mặt, không xác định được địa chỉ sẽ tạm giao cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những thừa kế vắng mặt”*. Với nội dung án lệ nêu trên, thì bà Đặng Huệ A không phải là người thuộc diện được hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị M1 theo pháp luật, trong khi bà Trần M là người duy nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của bà M1 và bà Đặng Huệ A đang yêu cầu được trả ½ giá trị nhà, đất tại số 55/2, DT cho bà Trần M sau khi trừ đi chi phí, gìn giữ, tôn tạo, bảo quản tài sản, công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà M1 và chi phí mai táng cho bà M1 tổng số tiền 361.000.000 đồng. Phần còn lại 1.106.586.500 đồng bà Đặng Huệ A sẽ giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý để khi bà Trần M có về Việt Nam thì giao lại cho bà Trần M. Yêu cầu vừa nêu của bà Đặng Huệ A là hợp lý nhưng Tòa sơ thẩm không chấp nhận mà lại tạm giao tài sản của bà Trần M được hưởng cho bà Đặng Huệ A là không đúng đối tượng, vì bà Đặng Huệ A là người đang có tranh chấp nên có quyền lợi đối lập với bà Trần M, vì thế Hội đồng xét xử thấy rằng: Các lý do của người kháng cáo nêu ra tại đơn kháng cáo ngày 27/4/2021 và các Viện dẫn của Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-

VKS-DS ngày 29/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đều có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận, sửa án sơ thẩm các phần này như vừa nêu trên. Cụ thể: Bà Đặng Huệ A có trách nhiệm trả ra số tiền còn lại của $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất tại số 55/2, DT cho bà Trần M sau khi trừ đi chi phí gìn giữ, tôn tạo, bảo quản tài sản, công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà M1 và chi phí mai táng cho bà M1 tổng số tiền 361.000.000 đồng. Phần còn lại 1.106.586.500 đồng bà Đặng Huệ A giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố Cần Thơ. Sau khi giao nộp đủ số tiền 1.106.586.500 đồng bà Đặng Huệ A được kê khai đăng ký sang tên nhà, đất tại số 55/2, DT từ ông Trần Hữu Ng và bà Trần Thị M1 qua tên bà Đặng Huệ A và bà Đặng Huệ A được trọn quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất tại số 55/2 DT nêu trên. Chi cục thi hành án dân sự quận CR có trách nhiệm gửi tiết kiệm không kỳ hạn số tiền 1.106.586.500 đồng của bà Trần M được hưởng, để khi bà Trần M có yêu cầu nhận thì giao lại cho bà Trần M.

[4] Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: Tổng giá trị nhà, đất tại số 55/2, DT có giá trị: 2.935.173.000 đồng, trong đó bà Đặng Huệ A được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất = 1.467.586.500 đồng theo di chúc của ông Ng để lại và được hưởng chi phí gìn giữ, tôn tạo, bảo quản tài sản, công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà M1 và chi phí mai táng cho bà M1 tổng số tiền 361.000.000 đồng. Cộng chung là: 1.828.586.500 đồng, nên án phí phải nộp là: {36.000.000 đồng + (1.028.586.500 đồng x 3%) = 66.857.595 đồng, do bà Đặng Huệ A là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thật nên miễn toàn bộ án phí cho bà Huệ A; bà Trần M được hưởng 1.106.586.500 đồng, nên án phí phải nộp là: {36.000.000 đồng + (306.586.500 đồng x 3%) = 45.197.595 đồng. Bà Trần M không có đơn xin miễn án phí nên bà Trần M không được miễn án phí.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Đặng Huệ A không phải nộp.

[6] Chi phí đo đạc, định giá: Nguyên đơn Đặng Huệ A nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, các Điều 309, 273, 280, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 618, 624, 630, 631, 632, 643, 649, 650, 651, 658 Bộ luật dân sự 2015; Điều 8 Luật nhà ở 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Huệ A và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ; **sửa bản án sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, cụ thể:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Huệ A, công nhận di chúc của ông Trần Hữu Ng lập ngày 11 tháng 9 năm 2000 là hợp pháp.

- Xác định căn nhà số 55/2, DT, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ gắn liền thửa đất số 73, tờ bản đồ số 02 diện tích 59,43m² (đo đạc thực tế theo Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/6/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập có diện tích là 59,3m²- đất ODT) thuộc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010203 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho ông Trần Hữu Ng và bà Trần Thị M1 ngày 26/7/1999 là di sản của ông Trần Hữu Ng và bà Trần Thị M1 để lại, trong đó của ông Trần Hữu Ng là ½ giá trị nhà, đất = 1.467.586.500 đồng và của bà Trần Thị M1 là ½ giá trị nhà, đất = 1.467.586.500 đồng.

1.1. Giao toàn bộ nhà, đất tại số 55/2, DT, khu vực TT, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ nêu trên cho bà Đặng Huệ A được toàn quyền sở hữu, sử dụng.

1.2. Bà Đặng Huệ A có nghĩa vụ hoàn trả giá trị ½ di sản nhà, đất của bà Trần Thị M1 để lại cho bà Trần M nhưng được trừ đi chi phí gìn giữ, tôn tạo, bảo quản tài sản, công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà Trần Thị M1 và chi phí mai táng cho bà Trần Thị M1 tổng số tiền 361.000.000 (ba trăm sáu mươi một triệu) đồng. Phần còn lại bà Trần M được hưởng là 1.106.586.500 (một tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng, do bà Trần M không có mặt tại Việt Nam và hiện chưa rõ địa chỉ nơi cư trú, nên bà Đặng Huệ A có nghĩa vụ nộp 1.106.586.500 (một tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng mà bà Trần M được hưởng tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố Cần Thơ.

- Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố Cần Thơ có nghĩa vụ tiếp nhận số tiền 1.106.586.500 (một tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng của bà Đặng Huệ A nộp để gửi tiết kiệm không kỳ hạn, khi nào bà Trần M có yêu cầu thì giao trả lại bà Trần M.

1.3. Khi bà Đặng Huệ A đã nộp đủ số tiền 1.106.586.500 (một tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng và

được Chỉ cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố Cần Thơ xác nhận thì: Bà Đặng Huệ A được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên theo quy định của pháp luật (*Kèm theo: Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/6/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho bà Đặng Huệ A; bà Trần M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 45.197.595 (bốn mươi lăm triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Huệ A không phải nộp.

4. Chi phí đo đạc và định giá: Bà Đặng Huệ A nộp và đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự (3);
- Lưu VT (5), HS (2), 13b, (ÁN09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tửu